TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIỀN HẢI** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2019/KDTM-ST
Ngày 02 tháng 10 năm 2019.
V/việc: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN HẢI, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đồng Ngọc Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Mã Siêu.

2. Bà Trần Thị Cúc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện T1 tham gia phiên tòa: Bà Phí Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 10 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2019/TLST- KDTM ngày 09 tháng 7 năm 2019 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2019/QĐXX-ST ngày 26/8/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2019/QĐST-KDTM ngày 18/9/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP C.

Địa chỉ: Số xyz, THĐ, quận H1, Thành phố H2.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Đức Th, Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP C.

Người đại diện theo ủy quyền:

Ông Phạm Minh T, Phó trưởng phòng tổng hợp Ngân hàng TMCP C, chi nhánh Thái Bình *(có mặt)*.

- Bị đơn: Ông Trần Xuân Tr, sinh năm: 1960.

Bà Bùi Thị N, sinh năm: 1962.

Đều có địa chỉ tại: Thôn VT, xã NT, huyện T1, Thái Bình.

(ông Trường, bà N vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện cho nguyên đơn trình bày:

Ông Trần Xuân Tr và bà Bùi Thị N có vay tiền của Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh Thái Bình -Phòng giao dịch T1 theo Hợp đồng tín dụng số 103/2014-HĐTD/NHCT ngày 26/8/2014, loại vay ngắn hạn, số tiền vay: 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng); lãi suất là 10,5%/năm tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng; lãi suất quá hạn bằng

50% lãi suất cho vay trong hạn; thời hạn vay là 12 tháng (kể từ ngày giải ngân đầu tiên 26/8/2014); phương thức trả là trả lãi hàng quý vào ngày 30 cuối quý. Ngày 26/8/2015 sẽ thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi; mục đích vay là dùng để thanh toán các chi phí mua ngao giống. Ngân hàng luôn giám sát, đôn đốc ông Trần Xuân Tr và bà Bùi Thị N trả nợ đúng cam kết, tính đến hết tháng 7/2019 ông Tr và bà N đã trả cho Ngân hàng được tổng số 75.000.000 đồng tiền gốc và 14.000.000 đồng tiền lãi . Tính đến ngày 02/10/2019, ông Trường và bà N còn nợ Ngân hàng số tiền là 724.850.979 đồng (Bảy trăm hai mươi bốn triệu tám trăm năm mươi nghìn chín trăm bảy mươi chín đồng) trong đó nợ gốc là 425.000.000 đồng, lãi trong hạn là 30.520.833 đồng và lãi quá hạn là 269.330.146 đồng.

Để đảm bảo khoản vay, ông Tr và bà N có thế chấp cho Ngân hàng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số xyz, tờ bản đồ số x đo đạc năm 1995 có diện tích 133.0m2 tại thôn VT, xã NT T1, tỉnh Thái Bình đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BCxyz, vào sổ cấp Giấy chứng nhận số CH xyz do Ủy ban nhân dân huyện T1, tỉnh Thái Bình cấp ngày 29/8/2011 mang tên ông Trần Xuân Tr và bà Bùi Thị N), theo Hợp đồng thế chấp (bất động sản) số 03 ngày 25 tháng 8 năm 2014, đã được công chứng, đăng ký giao dịch đảm bảo theo đúng quy định.

Về phía bị đơn: Tại biên bản làm việc ngày 12/8/2019, ông Trần Xuân Tr có nêu ông có vay vốn của Ngân hàng C để nhằm mục đích nuôi ngao, quá trình làm ăn do thiên tai nên không thuận lợi. Ông đề nghị xin phần lãi và trả nợ gốc cho Ngân hàng trong 02 năm. Tại phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải ngày 19/8/2019, ông Tr trình bày: Ông có vay của ngân hàng là để nuôi ngao, tuy nhiên là do làm ăn bị thiên tai, thất thoát. Ngày 16/8/2019 ông có lên Ngân hàng C để đối chiếu công nợ. Số tiền 75.000.000 đồng ông đã trả thì Ngân hàng trừ vào tiền gốc cho ông thì ông đồng ý. Ngân hàng đã cho ông xem bảng thu nợ lãi hàng tháng và ông thống nhất là số nợ gốc là: 425.000.000 đồng (Bốn trăm hai mươi lăm triệu đồng). Nay ông xác định số nợ gốc là 425.000.000 đồng. Nay quan điểm của phía gia đình là do gia đình làm ăn khó khăn nên ông xin phần lãi. Về phần nợ gốc thì từ nay đến cuối năm ông đề nghị trả ngân hàng 25.000.000 đồng. Còn lại 400.000.000 đồng thì tối thiểu mỗi năm ông thanh toán cho ngân hàng số tiền là 100.000.000 đồng. Thời điểm trả tiền là vào đầu tháng 12 dương lịch hàng năm. Nếu có điều kiện thì tôi trả nhiều hơn. tại phiên họp này bà Bùi Thị N có mặt nhưng không ký vào biên bản.

Tại phiên tòa ông Tr, bà N vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T1 đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, của người tham gia tố tụng và đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Trần Xuân Tr và bà Bùi Thị N có vay tiền của Ngân hàng TMCP C theo Hợp đồng tín dụng số 103/2014-HĐTD/NHCT ngày 26/8/2014, mục đích vay là dùng để thanh toán các chi phí mua ngao giống. Ông Tr và bà N đều có địa chỉ tại thôn VT, xã NT, huyện T1, tỉnh Thái Bình nên Tòa án nhân dân huyện T1 thụ lý giải quyết vụ kiện về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" là đúng thẩm quyền theo

quy định tại điểm b khoản 1 điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp:

Nguyên đơn là Ngân hàng TMCP C được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép thành lập Ngân hàng. Lĩnh vực hoạt động có hoạt động tín dụng là cho vay. Bị đơn trong vụ án là ông Trần Xuân Tr và bà Bùi Thị N nuôi ngao kinh doanh. Hợp đồng tín dụng số 103/2014-HĐTD/NHCT ngày 26/8/2014 giữa Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh Thái Bình - Phòng giao dịch T1 và ông Trần Xuân Tr và bà Bùi Thị N ký kết đều nhằm mục đích lợi nhuận, vì vậy Tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng TMCP C và ông Trần Xuân Tr và bà Bùi Thị N là tranh chấp kinh doanh thương mại theo quy đinh tại Khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Thời hiệu khởi kiện: Hợp đồng tín dụng số 103/2014-HĐTD/NHCT ngày 26/8/2014 giữa Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh Thái Bình - Phòng giao dịch T1 và ông Trần Xuân Tr và bà Bùi Thị N ký kết thì chậm nhất là ngày 26/8/2015, bên vay phải thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi, đến thời hạn trên, ông Tr, bà N không thanh toán được toàn bộ gốc và lãi cho Ngân hàng. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc và có các biên bản làm việc với khách hàng, tại biên bản làm việc ngày 02/6/2019 giữa Ngân hàng và ông Tr, ông Tr tiếp tục đề nghị Ngân hàng cho khách hàng trả nợ dần vào gốc. Do phía Ngân hàng không đồng ý, do quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng bị xâm phạm. Ngân hàng TMCP C khởi kiện trong thời hiệu theo quy định tại Điều 319 Luật thương mại.

[4] Sau khi thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP C, Tòa án nhân dân huyện T1 đã ra Thông báo thụ lý; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho ông Trần Xuân Tr và bà Bùi Thị N; ông Tr và bà N đã đến Tòa án và thể hiện quan điểm của mình. Tại phiên tòa ông Tr, bà N vắng mặt lần thứ hai không có lý do, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

[5] Về nội dung:

[5.1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, đủ căn cứ kết luận: Giữa Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh Thái Bình - Phòng giao dịch T1 và ông Trần Xuân Tr và bà Bùi Thị N có ký kết Hợp đồng tín dụng số 103/2014-HĐTD/NHCT ngày 26/8/2014, loại vay ngắn hạn, số tiền vay: 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng); lãi suất là 10,5%/năm tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng; lãi suất quá hạn bằng 50% lãi suất cho vay trong hạn; thời hạn vay là 12 tháng (kể từ ngày giải ngân đầu tiên 26/8/2014); phương thức trả là trả lãi hàng quý vào ngày 30 cuối quý hoặc ngày làm việc tiếp theo đầu tiên nếu 30 không phải là ngày làm việc của tháng cuối cùng của kỳ hạn thanh toán lãi. Ngày 26/8/2015 sẽ thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi; mục đích vay là dùng để thanh toán các chi phí mua ngao giống. Ngân hàng luôn giám sát, đôn đốc ông Trần Xuân Tr và bà Bùi Thị N trả nợ đúng cam kết, tính đến hết tháng 7/2019 ông Tr và bà N đã trả cho Ngân hàng được tổng số 75.000.000 đồng tiền gốc và 14.000.000 đồng tiền lãi. Tính đến ngày 02/10/2019, ông Tr và bà N còn nợ Ngân hàng số tiền là 724.850.979 đồng (Bảy trăm hai mươi bốn triệu tám trăm năm mươi nghìn chín trăm bảy mươi chín đồng) trong đó nợ gốc là 425.000.000 đồng, lãi trong hạn là 30.520.833 đồng và lãi quá hạn là 269.330.146 đồng.

[5.2] Về yêu cầu trả tiền nợ gốc và tiền lãi: Việc đến hạn trả nợ gốc và lãi ông Tr và bà N không thực hiện đầy đủ là vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có cơ sở nên được chấp nhận: Buộc ông Trần Xuân Tr và bà Bùi Thị N phải trả nợ gốc đối với khoản vay của hợp đồng tín dụng số 103/2014-

HĐTD/NHCT ngày 26/8/2014 với số tiền là 425.000.000 đồng.

Về lãi suất: Ngân hàng TMCP C yêu cầu ông Tr và bà N phải trả lãi và lãi quá hạn theo quy định của pháp luật từ ngày 30/12/2014. Xét yêu cầu của Ngân hàng TMCP C phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận. Ông Tr và bà N phải trả tiền lãi và lãi quá hạn cho Ngân hàng C từ ngày 30/12/2014 đến ngày 02/10/2019 là 299.850.979 đồng, trong đó lãi trong hạn là 30.520.833 đồng và lãi quá hạn là 269.330.146 đồng.

[5.3] Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Để đảm bảo cho khoản vay theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, ông Tr và bà N có thế chấp cho Ngân hàng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số xyz, tờ bản đồ số x đo đạc năm 1995 có diện tích 133.0m2 tại thôn VT, xã NT T1, tỉnh Thái Bình đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BCxyz, vào sổ cấp Giấy chứng nhận số CH xyz do Ủy ban nhân dân huyện T1, tỉnh Thái Bình cấp ngày 29/8/2011 mang tên ông Trần Xuân Tr và bà Bùi Thị N, theo Hợp đồng thế chấp (bất động sản) số 03 ngày 25 tháng 8 năm 2014, đã được công chứng, đăng ký giao dịch đảm bảo theo đúng quy định. Vì vậy, tài sản trên phải được dùng để đảm bảo số nợ trên. Trong trường hợp ông Trần Xuân Tr và bà Bùi Thị N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP C được quyền yêu cầu phát mại tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp đã ký để thu hồi nợ.

[7] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Theo quy định tại Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự, ông Tr và bà N phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.000.000đồng (Hai triệu đồng). Số tiền này Ngân hàng đã nộp tạm ứng. Ông Tr và bà N có trách nhiệm hoàn trả số tiền 2.000.000đồng (Hai triệu đồng) cho Ngân hàng TMCP C.

[8] Về án phí: Yêu cầu của Ngân hàng TMCP C được chấp nhận nên không phải chịu án phí. Ông Tr và bà N phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là (20.000.000 đồng + 4% của phần giá trị tranh chấp vượt quá 400.000.000 đồng), cụ thể: 20.000.000 đồng + (324.850.979 đồng x 4%) = 32.994.039 đồng (ba mươi hai triệu chín trăm chín mươi tư nghìn không trăm ba mươi chín đồng).

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 điều 30; điểm b khoản 1 điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 147; Khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 306; Điều 319 Luật thương mại. Điều 342, 351, 471, 474, 715 và 721 Bộ luật dân sự 2005. Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP C. Buộc ông Trần Xuân Tr và bà Bùi Thị N phải trả cho Ngân hàng TMCP C tổng số tiền nợ gốc, lãi trong hạn và lãi quá hạn tính đến ngày 02/10/2019 là 724.850.979 đồng (Bảy trăm hai mươi bốn triệu tám trăm năm mươi nghìn chín trăm bảy mươi chín đồng) trong đó nợ gốc là 425.000.000 đồng, lãi trong hạn là 30.520.833 đồng và lãi quá hạn là 269.330.146 đồng.

2. Khi bản án có hiệu lực pháp luật nếu ông Trần Xuân Tr và bà Bùi Thị N không trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng TMCP C có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp của ông Trần Xuân Tr và bà Bùi Thị N theo Hợp đồng thế chấp (bất động sản) số 03 ngày 25 tháng 8 năm 2014 để thu hồi nợ gồm: Quyền quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa

đất số xyz, tờ bản đồ số x đo đạc năm 1995 có diện tích 133.0m2 tại thôn VT, xã NT T1, tỉnh Thái Bình đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BCxyz, vào sổ cấp Giấy chứng nhận số CH xyz do Ủy ban nhân dân huyện T1, tỉnh Thái Bình cấp ngày 29/8/2011 mang tên ông Trần Xuân Tr và bà Bùi Thị N.

3.Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ**:** Ông Trần Xuân Tr và bà Bùi Thị N có trách nhiệm hoàn trả số tiền 2.000.000đồng (Hai triệu đồng) cho Ngân hàng TMCP C.

4. Về án phí: Ông Trần Xuân Tr và bà Bùi Thị N phải chịu số tiền án phí là 32.994.039 đồng (ba mươi hai triệu chín trăm chín mươi tư nghìn không trăm ba mươi chín đồng). Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP C số tiền 16.200.000 đồng (Mười sáu triệu hai trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0009157 ngày 09/7/2919 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện T1, tỉnh Thái Bình.

5. Về nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Trần Xuân Tr và bà Bùi Thị N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo lãi suất quy định tại điểm a khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
-VKSND huyện T1
-Các đương sự
-TAND tỉnh Thái Bình
-Lưu Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đồng Ngọc Huyền